

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04- 12 - 2024

“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
chị Nhị và anh Trìu”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Khải;
2. Ông Đinh Thế Cần.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Anh Đinh Công T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

(Tại phiên tòa có mặt chị N, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Công T tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày

03/3/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy từ đó không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ, con. Mâu thuẫn căng thẳng vào ngày 19/7/2024, anh T bị bắt tạm giam về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Đinh Công T có 02 con chung là Đinh Hải P sinh ngày 11/12/2007 và Đinh Nguyễn Hải A sinh ngày 09/9/2010, hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, chị đang làm công nhân môi trường thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng (*Mười triệu đồng một tháng*).

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai đơn xin xử án vắng mặt, bị đơn anh Đinh Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn, thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng ly thân như chị Nguyễn Thị N đã trình bày là đúng. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N vẫn còn, anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị N một mực xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị Nguyễn Thị N đã trình bày là đúng. Ly hôn, anh nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị N không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh với cơ sở thôn P, xã Q thấy: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Công T là vợ chồng. Quá trình chung sống, thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì cơ sở thôn không biết rõ. Chỉ biết anh T có nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ, con. Anh T đã bị bắt tạm giam về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” vào ngày 19/7/2024. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh T cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị N, anh T có 02 con chung là Đinh Hải P sinh ngày 11/12/2007 và Đinh Nguyễn Hải A sinh ngày 09/9/2010, hiện đang ở với chị N. Nếu Tòa án giải quyết cho chị N, anh T ly hôn về nuôi con và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản cơ sở thôn không nắm rõ.

Chị N có làm công nhân vệ sinh môi trường, thu nhập cụ thể địa phương không nắm rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đinh Công T; Xử giao cả 02 con chung là Đinh Hải P sinh ngày 11/12/2007 và Nguyễn Hải A sinh ngày 09/9/2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Anh T có quyền đi lại trông nom và giáo dục con chung; Về tài sản: không đặt ra giải quyết; Chị N phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với anh Đinh Công T. Do anh T là bị đơn cư trú thôn P, xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, có đơn xin xét xử vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Công T là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 03/3/2006 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh T. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh Trìu nghiệm ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ, con. Ngày 19/7/2024, anh T bị bắt tạm giam về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị xin ly hôn anh T. Anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N vẫn còn nhưng nếu chị N một mực xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Công T có 02 con chung là Đinh Hải P sinh ngày 11/12/2007 và Đinh Nguyễn Hải A sinh ngày

09/9/2010. Ly hôn, chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, anh T nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị N là chính đáng, các con đều có nguyện vọng ở với chị N, chị N có đủ điều kiện để nuôi con nên cần giao cả 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Công T đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Công T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đinh Công T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cả 02 con chung là Đinh Hải P sinh ngày 11/12/2007 và Đinh Nguyễn Hải A sinh ngày 09/9/2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Đinh Công T cấp dưỡng cho con. Anh T có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị N, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0004830 ngày 08 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ được chuyển thành tiền án phí

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn

anh Đinh Công T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h. Quỳnh Phụ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã Quỳnh Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên